

# SP7T-8T 26.5GHz

负载型

Normally open/Latching

## ◆ 射频特性

频率范围 (GHz)	插入损耗 (dB)	隔离 (dB)	驻波	承载连续功率 (W)
DC-6	0.3	70	1.3	80
6-12	0.4	60	1.4	60
12-18	0.5	50	1.5	50
18-26.5	0.6	50	1.6	15

## ◆ 工作电压/电流

工作电压 (V)		12	24	28
电流 (mA)	Normally open	300	200	180
	Latching	320	200	180
	Latching(RESET)	2560	1600	1440

\*可根据用户要求选择电压

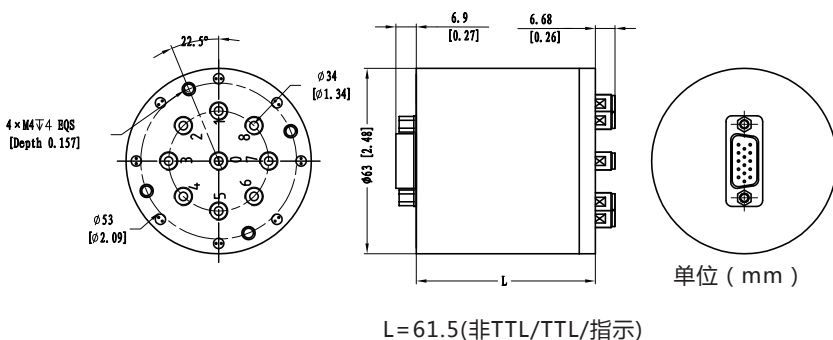
TTL	低电平 (V)	高电平	
	0-0.3	3~5V	1.4mA

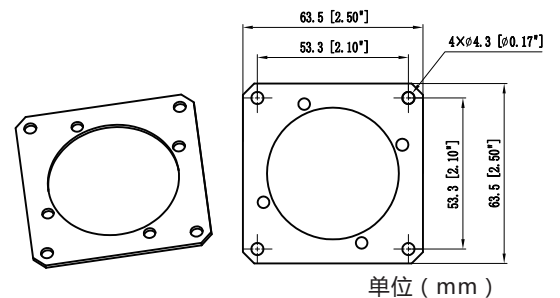
指示端	耐压 (V)(max)	电流容量 (mA)(max)	阻值 (Ω)(max)
	50	100	15

\*该功能运行前先连接控制端 VDC & GND

## ◆ 产品尺寸



## ◆ 背板



## ◆ 技术指标

开关顺序: 先断后合

开关速率: ≤15ms

储存温度: -55℃~85℃

工作温度: -25℃~65℃ (标准)  
-45℃~85℃ (温度扩展1)  
-55℃~85℃ (温度扩展2)

开关寿命: 200万次

射频连接器: SMA Female

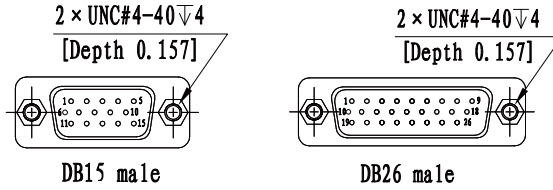
特性阻抗: 50Ω

冲击 (非工作状态): 50G、1/2 Sine、11ms

振动 (工作状态): 20-2000 Hz、10G RMS

控制接口: D-SUB 15/26Pin Male

重量: 320G



DB15 male

DB26 male

◆ 真值表

\* 无指示功能, 控制接口DB15 Male.

Normally open 非TTL			
控制接口		射频接口	
D-SUB 15/26Pin Male			
Pin No.	定义	SP7T	SP8T
1	V1	RF 1-0	RF 1-0
2	V2	RF 2-0	RF 2-0
3	V3	RF 3-0	RF 3-0
4	V4	RF 4-0	RF 4-0
5	V5	RF 5-0	RF 5-0
6	V6	RF 6-0	RF 6-0
7	V7	RF 7-0	RF 7-0
8	V8	-	RF 8-0
9	GND	-	-
10	指示1	RF 1-0	RF 1-0
11	指示2	RF 2-0	RF 2-0
12	指示3	RF 3-0	RF 3-0
13	指示4	RF 4-0	RF 4-0
14	指示5	RF 5-0	RF 5-0
15	指示6	RF 6-0	RF 6-0
16	指示7	RF 7-0	RF 7-0
17	指示8	-	RF 8-0
18	指示公共端	-	-
19	VDC	-	-
20~26	N/A	-	-

Normally open TTL			
控制接口		射频接口	
D-SUB 15/26Pin Male			
Pin No.	定义	SP7T	SP8T
1	TTL	RF 1-0	RF 1-0
2	TTL	RF 2-0	RF 2-0
3	TTL	RF 3-0	RF 3-0
4	TTL	RF 4-0	RF 4-0
5	TTL	RF 5-0	RF 5-0
6	TTL	RF 6-0	RF 6-0
7	TTL	RF 7-0	RF 7-0
8	TTL	-	RF 8-0
9	VDC	-	-
10	GND	-	-
11	指示1	RF 1-0	RF 1-0
12	指示2	RF 2-0	RF 2-0
13	指示3	RF 3-0	RF 3-0
14	指示4	RF 4-0	RF 4-0
15	指示5	RF 5-0	RF 5-0
16	指示6	RF 6-0	RF 6-0
17	指示7	RF 7-0	RF 7-0
18	指示8	-	RF 8-0
19	指示公共端	-	-
20~26	N/A	-	-

Latching 非TTL			
控制接口		射频接口	
D-SUB 15/26Pin Male			
Pin No.	定义	SP7T	SP8T
1	V1	RF 1-0	RF 1-0
2	V2	RF 2-0	RF 2-0
3	V3	RF 3-0	RF 3-0
4	V4	RF 4-0	RF 4-0
5	V5	RF 5-0	RF 5-0
6	V6	RF 6-0	RF 6-0
7	V7	RF 7-0	RF 7-0
8	V8	-	RF 8-0
9	V ( RESET )	-	-
10	GND	-	-
11	指示1	RF 1-0	RF 1-0
12	指示2	RF 2-0	RF 2-0
13	指示3	RF 3-0	RF 3-0
14	指示4	RF 4-0	RF 4-0
15	指示5	RF 5-0	RF 5-0
16	指示6	RF 6-0	RF 6-0
17	指示7	RF 7-0	RF 7-0
18	指示8	-	RF 8-0
19	指示公共端	-	-
20	VDC	-	-
21~26	N/A	-	-

注: 开关应于激励前, 对pin9脚加电进行RESET!

Latching TTL			
控制接口		射频接口	
D-SUB 15/26Pin Male			
Pin No.	定义	SP7T	SP8T
1	TTL	RF 1-0	RF 1-0
2	TTL	RF 2-0	RF 2-0
3	TTL	RF 3-0	RF 3-0
4	TTL	RF 4-0	RF 4-0
5	TTL	RF 5-0	RF 5-0
6	TTL	RF 6-0	RF 6-0
7	TTL	RF 7-0	RF 7-0
8	TTL	-	RF 8-0
9	TTL ( RESET )	-	-
10	VDC	-	-
11	GND	-	-
12	指示1	RF 1-0	RF 1-0
13	指示2	RF 2-0	RF 2-0
14	指示3	RF 3-0	RF 3-0
15	指示4	RF 4-0	RF 4-0
16	指示5	RF 5-0	RF 5-0
17	指示6	RF 6-0	RF 6-0
18	指示7	RF 7-0	RF 7-0
19	指示8	-	RF 8-0
20	指示公共端	-	-
21~26	N/A	-	-

注: 开关应于激励前, 对pin9脚加电进行RESET!

◆ 产品选型

系列	开关掷数	连接器形式	驱动模式	频率	电压	是否负载	控制方式	工作温度	安装方式	控制接口
E	7:SP7T 8:SP8T	S	N:Normally open L:Latching	26	05:5V 12:12V 24:24V 28:28V	W:非负载型 T:负载型	0:非TTL,共地 1:TTL 2:非TTL,共阳 3:self cutoff 4:非TTL,共地,指示 5:TTL,指示 6:非TTL,共阳,指示	0:标准温度 1:温度扩展1 2:温度扩展2	S:常规式 B:背板式	2:DB15(3排) 5:DB26(3排)

★ 例: E7SN2605W00S2: 标准版、SP7T、SMA、Normally open、DC~26.5GHz、5V、非负载型、非TTL, 共地、标准温度、常规式、DB15(3排)。